

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017**

**Hà Nội, tháng 7 năm 2017**

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 35

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Việt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12/4/2017)
Ông Nguyễn Đình Tùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12/4/2017)

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Đỗ Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hồ Xuân Tam	Thành viên
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

**BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Trung	Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tôi công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



The stamp is circular with a red border. Inside, it contains the text: "M.S.D.N. 010010793" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG" in the center, and "D. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI" at the bottom. A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 7 năm 2017

51789  
CÔNG  
TNHH  
TOÁN &  
VIỆT  
CHI NHÁ  
HÀ NỘI  
GIẤY - T

Số. /2017/RSMHN-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không*****Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính***

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 7 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Thành Lâm**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2016-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2017*

T H H I

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>97.761.726.835</b>	<b>95.209.677.500</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>23.800.152.942</b>	<b>24.038.147.731</b>
1. Tiền	111		23.800.152.942	24.038.147.731
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.387.145.922</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.387.145.922	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63.024.285.411</b>	<b>66.125.605.803</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	23.625.855.992	32.212.014.887
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.585.293.582	7.824.652.140
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	32.813.135.837	26.088.938.776
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>8.505.441.208</b>	<b>5.002.270.464</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.505.441.208	5.002.270.464
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.701.352</b>	<b>43.653.502</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	12.716.829	10.668.979
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	31.984.523	32.984.523
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.872.817.106</b>	<b>6.080.865.908</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.493.436.054</b>	<b>5.673.729.999</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	7.209.430.564	5.289.631.507
Nguyên giá	222		20.961.170.981	18.943.959.301
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.751.740.417)	(13.654.327.794)
2. Tài sản cố định vô hình	227		284.005.490	384.098.492
Nguyên giá	228		790.580.500	790.580.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(506.575.010)	(406.482.008)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>379.381.052</b>	<b>407.135.909</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		379.381.052	407.135.909
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>105.634.543.941</b>	<b>101.290.543.408</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.826.623.168</b>	<b>63.709.442.707</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.452.019.568</b>	<b>60.474.442.707</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	18.633.400.692	11.091.666.784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	6.395.437.326	3.673.635.864
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.068.466.606	1.198.986.117
4. Phải trả người lao động	314		3.626.688.192	4.563.059.150
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	1.640.264.708	390.658.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		349.313.800	349.313.800
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	20.727.494.790	26.181.182.492
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	10.681.988.128	11.103.106.936
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		466.180.678	809.606.419
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.862.784.648	1.113.227.145
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.374.603.600</b>	<b>3.235.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	3.200.000.000	3.235.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		174.603.600	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.807.920.773</b>	<b>37.581.100.701</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.14</b>	<b>36.807.920.773</b>	<b>37.581.100.701</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.927.400.000	25.927.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.927.400.000	25.927.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.136.540.000	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.058.800.890	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.473.497.115	1.473.497.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.211.682.768	4.984.862.696
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		69.768.193	56.656.299
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.141.914.575	4.928.206.397
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>105.634.543.941</b>	<b>101.290.543.408</b>



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 21 tháng 7 năm 2017

Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ninh  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>114.983.710.919</b>	<b>72.306.049.611</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	63.600.000
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>114.983.710.919</b>	<b>72.242.449.611</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	89.309.552.958	46.969.329.988
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>25.674.157.961</b>	<b>25.273.119.623</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	317.442.383	176.336.894
7. Chi phí tài chính	22	5.4	500.210.248	149.205.170
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		400.058.460	89.775.896
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	10.024.167.292	12.304.637.457
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	10.402.272.503	8.346.102.569
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.064.950.301</b>	<b>4.649.511.321</b>
11. Thu nhập khác	31		286.363.636	460.681.384
12. Chi phí khác	32		173.920.718	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>112.442.918</b>	<b>460.681.384</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.177.393.219</b>	<b>5.110.192.705</b>
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	1.035.478.644	1.022.038.541
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.141.914.575</b>	<b>4.088.154.164</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	1.598	1.577
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.14.4	1.598	1.577



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 21 tháng 7 năm 2017

Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ninh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.7</b>	<b>5.177.393.219</b>	<b>5.110.192.705</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.8	731.377.611	653.902.025
- Các khoản dự phòng	03		168.822.141	(1.141.272.000)
- (Lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(188.243.362)	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(304.533.332)	(326.247.511)
- Chi phí lãi vay	06	5.4	400.058.460	89.775.896
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.984.874.737</b>	<b>4.386.351.115</b>
- Giảm các khoản phải thu	09		33.622.527	4.683.592.264
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(3.503.170.744)	6.325.391.560
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		9.882.635.311	(12.531.384.360)
- Giảm chi phí trả trước	12		27.754.857	241.161.125
- Lãi tiền vay đã trả	14	5.4	(400.058.460)	(89.775.896)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.7	(1.224.271.607)	(1.484.993.955)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	11.571.563.019
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.578.685.141)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.222.701.480</b>	<b>13.101.904.872</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.549.203.666)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		286.363.636	259.227.272
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23	5.2	(2.387.145.922)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	18.169.696	67.020.239
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.631.816.256)</b>	<b>326.247.511</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		31.871.597.781	4.222.972.228
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(32.292.716.589)	(3.463.215.936)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.407.966.381)	(6.349.845.384)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.829.085.189)</b>	<b>(5.590.089.092)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(238.199.965)</b>	<b>7.838.063.291</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	24.038.147.731	16.080.980.957
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		205.176	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>23.800.152.942</b>	<b>23.919.044.248</b>



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 21 tháng 7 năm 2017

Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ninh  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/7/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tại ngày 18/5/2006, Công ty thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09/10/2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 03/05/2017, Công ty có vốn điều lệ là 25.927.400.000 VND, tương đương 2.592.740 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sở hữu 41,31%.

Ngày 26/10/2010, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số lao động làm việc tại Công ty tại ngày 30/6/2017 là 114 người (tại ngày 01/01/2017 là 113 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị dụng cụ, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tính đến ngày 30/6/2017, Công ty có chi nhánh hoạt động như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (TP Hà Nội) tại địa chỉ: Phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách Kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với máy móc thiết bị, giá bình quân gia quyền đối với hàng hóa nhập về nhiều lần theo từng hợp đồng và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng hữu ích (Năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.7 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế Thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.9 Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

**3.10 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.11 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Thuế môn bài; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.13 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.16 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.17 Thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức sau:

Dịch vụ vận chuyển quốc tế	0%
Dịch vụ ủy thác nhập khẩu	10%
Dịch vụ vận chuyển nội địa	10%
Dịch vụ cho thuê nhà	10%
Các hàng hóa và dịch vụ khác	10%
Hàng mây tre đan	5%

Chiết khấu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam cho hoạt động bán vé máy bay là thu nhập được miễn thuế GTGT.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.18 Công cụ tài chính****Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18 Công cụ tài chính (tiếp)**

***Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp)***

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ vay và các công cụ tài chính phái sinh.

***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	157.256.080	160.808.896
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.642.896.862	23.877.338.835
<b>Cộng</b>	<b>23.800.152.942</b>	<b>24.038.147.731</b>

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán 6 tháng  
kết thúc ngày 30/6/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi thời hạn 06 tháng có giá trị 2.387.145.922 VND theo hợp đồng số 113/2017/MSB-AIRIMEX ngày 09/06/2017 với lãi suất 6,5%/năm.

**4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ các bên liên quan	15.855.244.960	7.100.321.398
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	14.912.620.962	6.414.436.919
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO</i>	942.623.998	685.884.479
Các khoản phải thu bên thứ ba	7.770.611.032	25.111.693.489
<i>Tổng Công ty Cảng Hàng không VN</i>	-	16.153.526.400
<i>Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn</i>	-	3.668.107.400
<i>Công ty TNHH Du lịch Ata Việt Nam</i>	717.824.000	-
<i>Các khách hàng khác</i>	7.052.787.032	5.290.059.689
<b>Cộng</b>	<b>23.625.855.992</b>	<b>32.212.014.887</b>

**4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho bên thứ ba	6.585.293.582	7.824.652.140
<i>Công ty TNHH Dụng cụ Hàng Không Topcast</i>	1.764.558.062	373.273.020
<i>Công ty TNHH TM - DV Xuất nhập khẩu An Tâm</i>	1.545.400.000	966.900.000
<i>Công ty CP DV Kỹ thuật và Giám định Hạ Long</i>	-	2.280.500.000
<i>Công ty TNHH Quản lý Đầu tư B&amp;T</i>	-	3.357.036.320
<i>Công ty CP Thuận Quốc</i>	1.516.040.000	654.060.000
<i>Công ty CP Hàng không Vietjet</i>	704.782.360	-
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	1.054.513.160	192.882.800
<b>Cộng</b>	<b>6.585.293.582</b>	<b>7.824.652.140</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Các khoản phải thu ủy thác	19.947.191.241	23.013.841.256
+ Phải thu bên liên quan	19.664.183.713	22.640.467.129
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	<i>14.211.720.911</i>	<i>19.357.863.492</i>
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO</i>	<i>5.452.462.802</i>	<i>3.282.603.637</i>
+ Phải thu bên thứ ba	283.007.528	373.374.127
<i>Phải thu công ty khác</i>	<i>283.007.528</i>	<i>373.374.127</i>
Ký cược, ký quỹ (i)	10.896.683.000	656.202.980
Tạm ứng	1.050.048.000	1.648.267.700
Phải thu khác	919.213.596	770.626.840
<b>Cộng</b>	<b>32.813.135.837</b>	<b>26.088.938.776</b>

(i) Trong đó có khoản cầm cố bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritimebank) với giá trị là 10.262.250.000 VND. Khoản tiền gửi này được sử dụng làm tài sản cầm cố cho khoản vay của Công ty tại chính ngân hàng này. Chi tiết xem tại thuyết minh số 4.13 "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Hàng đang đi trên đường	-	1.311.006.134
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.101.151.244	1.001.338.644
Hàng hóa	7.404.289.964	2.689.925.686
<b>Cộng</b>	<b>8.505.441.208</b>	<b>5.002.270.464</b>

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán 6 tháng  
kết thúc ngày 30/6/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	11.903.616.665	-	2.752.433.602	4.287.909.034	18.943.959.301
Mua sắm	-	1.032.890.030	1.518.193.636	-	2.551.083.666
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(533.871.986)	-	(533.871.986)
<b>Tại ngày 30/6/2017</b>	<b>11.903.616.665</b>	<b>1.032.890.030</b>	<b>3.736.755.252</b>	<b>4.287.909.034</b>	<b>20.961.170.981</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	7.670.565.293	-	2.126.537.200	3.857.225.301	13.654.327.794
Khấu hao	288.880.278	19.829.276	231.185.485	91.389.570	631.284.609
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(533.871.986)	-	(533.871.986)
<b>Tại ngày 30/6/2017</b>	<b>7.959.445.571</b>	<b>19.829.276</b>	<b>1.823.850.699</b>	<b>3.948.614.871</b>	<b>13.751.740.417</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	4.233.051.372	-	625.896.402	430.683.733	5.289.631.507
Tại ngày 30/6/2017	3.944.171.094	1.013.060.754	1.912.904.553	339.294.163	7.209.430.564

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2017 là 4.116.053.559VND (tại ngày 01/01/2017 là 4.649.925.545 VND).

**4.8 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả bên liên quan	3.605.314.989	1.722.539.489
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	3.605.314.989	1.722.539.489
Phải trả người bán bên thứ ba	15.028.085.703	9.369.127.295
<i>Công ty TNHH Quản lý Đầu tư B&amp;T</i>	1.380.772.800	524.055.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Trường Long</i>	6.327.736.309	342.002.005
<i>Công ty TNHH Dụng cụ Hàng Không Topcast</i>	-	1.290.736.073
<i>Công ty TNHH Pteris Global</i>	1.775.490.750	1.904.826.000
<i>Công ty TNHH Allianz Technics</i>	-	1.727.975.000
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	5.544.085.844	3.579.533.217
<b>Cộng</b>	<b>18.633.400.692</b>	<b>11.091.666.784</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Bên liên quan trả tiền trước	1.730.768.526	3.333.955.864
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	99.968.526	2.406.955.864
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	1.630.800.000	927.000.000
Bên thứ ba trả tiền trước	4.664.668.800	339.680.000
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	4.664.668.800	339.680.000
<b>Cộng</b>	<b>6.395.437.326</b>	<b>3.673.635.864</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.10 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/6/2017 VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	10.668.979		6.697.305.566	6.695.257.716	12.716.829	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	471.026.749	8.307.700.935	8.323.985.773	-	454.741.911
Thuế xuất, nhập khẩu	31.984.523	-	619.371.681	619.371.681	31.984.523	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	703.232.867	1.035.478.644	1.224.271.607	-	514.439.904
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.726.501	450.948.998	376.390.708	-	99.284.791
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	757.265.678	757.265.678	-	-
Các loại thuế khác	1.000.000	-	5.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.984.523</b>	<b>1.198.986.117</b>	<b>11.175.765.936</b>	<b>11.305.285.447</b>	<b>31.984.523</b>	<b>1.068.466.606</b>

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán 06 tháng  
kết thúc ngày 30/6/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.11 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí theo phương án kinh doanh	1.640.264.708	315.658.000
Chi phí phải trả khác	-	75.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.640.264.708</b>	<b>390.658.000</b>

**4.12 Phải trả khác**

	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả phải nộp ủy thác	16.414.142.154	22.912.687.310
+ Phải trả các bên liên quan	9.243.267.876	3.466.188.132
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	<i>8.026.715.246</i>	<i>1.404.573.138</i>
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO</i>	<i>1.098.472.630</i>	<i>2.061.614.994</i>
<i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	<i>118.080.000</i>	-
+ Phải trả bên thứ ba	7.170.874.278	19.446.499.178
<i>Công ty Goodrich Aircraft Wheels and Brakes</i>	<i>1.384.553.531</i>	<i>2.403.846.893</i>
<i>Công ty TNHH Atr Eastern Support</i>	<i>2.155.280.916</i>	<i>854.370.512</i>
<i>Công ty International Aircraft Engineer</i>	-	<i>2.423.998.175</i>
<i>Công ty Sicma</i>	-	<i>3.631.926.370</i>
<i>Công ty Hamilton</i>	-	<i>1.768.946.741</i>
<i>Công ty Parker</i>	-	<i>1.141.505.715</i>
<i>Các công ty khác</i>	<i>3.631.039.831</i>	<i>7.221.904.772</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.313.352.636	3.268.495.182
+ Phải trả bên liên quan	3.821.252.969	3.210.472.350
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>1.821.252.969</i>	<i>1.210.472.350</i>
<i>VAECO ứng tiền thuế nhập khẩu</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
+ Phải trả bên thứ ba	492.099.667	58.022.832
<i>Phải trả khác</i>	<i>492.099.667</i>	<i>58.022.832</i>
<b>Cộng</b>	<b>20.727.494.790</b>	<b>26.181.182.492</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan	3.200.000.000	3.200.000.000
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	<i>3.200.000.000</i>	<i>3.200.000.000</i>
Các khoản phải trả bên thứ ba	-	35.000.000
<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	-	<i>35.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>3.235.000.000</b>

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2017 VND
Vay bên thứ ba	11.103.106.936	31.871.597.781	32.292.716.589	10.681.988.128
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh Tây Hà Nội	10.404.541.200	14.853.399.695	25.257.940.895	-
Ngân hàng BIDV - CN Sở giao dịch 3	-	6.755.948.086	6.755.948.086	-
Ngân hàng Maritimebank - Chi nhánh Sở giao dịch (i)	-	10.262.250.000	-	10.262.250.000
Thấu chi phòng vé - Techcombank (ii)	698.565.736	-	278.827.608	419.738.128
<b>Cộng</b>	<b>11.103.106.936</b>	<b>31.871.597.781</b>	<b>32.292.716.589</b>	<b>10.681.988.128</b>

(i) Đây là khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Maritimebank) với hạn mức vay 60.000.000.000 VND nhằm mục đích chi mua sắm hàng hóa. Khoản tiền phát sinh trong kỳ là khoản vay theo giấy nhận nợ ngày 16/6/2017 dùng để mua Hợp bộ thí nghiệm cao áp máy phát điện từ Công ty CP Kỹ thuật và Giám định Hạ Long và được đảm bảo bằng một khoản tiền gửi tiết kiệm theo hợp đồng số 113/2017/MSB-AIRIMEX có giá trị tương ứng (xem chi tiết tại Thuyết minh 4.5 "Phải thu ngắn hạn khác". Thời hạn của khoản vay là ngày 15/12/2017 với lãi suất là 6,1%/năm.

(ii) Đây là khoản tiền thấu chi với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với hạn mức thấu chi 2.000.000.000 VND để thanh toán tiền vé cho một số công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.14 Vốn chủ sở hữu**

**4.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	6.188.037.835	38.784.275.840
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.520.946.397	7.520.946.397
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	-	-	(709.640.237)	(709.640.237)
Trích quỹ thưởng BĐH	-	-	-	-	(106.624.299)	(106.624.299)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(7.907.857.000)	(7.907.857.000)
Tại ngày 31/12/2016	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	4.984.862.696	37.581.100.701
Tại ngày 01/01/2017	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	4.984.862.696	37.581.100.701
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.141.914.575	4.141.914.575
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 (i)	-	-	-	-	(752.094.640)	(752.094.640)
Trích quỹ thưởng BĐH (i)	-	-	-	-	(144.252.863)	(144.252.863)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(4.018.747.000)	(4.018.747.000)
Tại ngày 30/6/2017	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	4.211.682.768	36.807.920.773

(i) Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 12/2017/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 12/4/2017 thông qua những nội dung cụ thể như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LN sau thuế) 752.094.640 VND
- Trích quỹ thưởng HĐQT, BGD, BKS 144.252.863 VND
- Mức chi trả cổ tức lần 2 năm 2016 bằng tiền, tỷ lệ 15,5% 4.018.747.000 VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.14.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký DN 1.000 VND %		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 30/6/2017		Tại ngày 01/01/2017	
			1.000 VND	%	1.000 VND	%
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>11.825.750</b>	<b>45,61%</b>	<b>11.252.350</b>	<b>43,40%</b>	<b>11.252.350</b>	<b>43,40%</b>
TCT Hàng không Việt Nam	10.710.000	41,31%	10.710.000	41,31%	10.710.000	41,31%
Ông Phạm Hồng Quang	583.400	2,25%	10.000	0,04%	10.000	0,04%
Ông Trần Trung Dũng	532.350	2,05%	532.350	2,05%	532.350	2,05%
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>14.101.650</b>	<b>54,39%</b>	<b>14.675.050</b>	<b>56,60%</b>	<b>14.675.050</b>	<b>56,60%</b>
Ông Đào Khắc Hậu			5.139.490	19,82%	4.737.490	18,27%
America LLC			2.133.000	8,23%	2.133.000	8,23%
Các cổ đông khác			7.402.560	28,55%	7.804.560	30,10%
<b>Cộng</b>	<b>25.927.400</b>	<b>100%</b>	<b>25.927.400</b>	<b>100%</b>	<b>25.927.400</b>	<b>100%</b>

**4.14.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/6/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.14.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.141.914.575	4.088.154.164
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.592.740	2.592.740
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>1.598</b>	<b>1.577</b>

Ghi chú: Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.15 Các khoản mục khác ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/6/2017	Tại ngày 01/01/2017
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	9.728,59	3.114,00
- EUR	899,65	1.413,38

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	53.664.199.774	33.844.769.065
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	22.925.470.287	18.230.776.130
Doanh thu dịch vụ ủy thác vận chuyển	32.665.071.690	14.577.220.614
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	4.392.438.931	4.470.620.729
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	1.336.530.237	1.182.663.073
<b>Cộng</b>	<b>114.983.710.919</b>	<b>72.306.049.611</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	52.029.939.669	32.829.425.993
Giá vốn dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	5.911.918.314	-
Giá vốn dịch vụ ủy thác vận chuyển	31.367.694.975	14.139.903.995
<b>Cộng</b>	<b>89.309.552.958</b>	<b>46.969.329.988</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.169.696	67.020.239
Lãi chênh lệch tỷ giá	299.272.687	109.316.655
<b>Cộng</b>	<b>317.442.383</b>	<b>176.336.894</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**5.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Lãi tiền vay	400.058.460	89.775.896
Lỗ chênh lệch tỷ giá	100.151.788	59.429.274
<b>Cộng</b>	<b>500.210.248</b>	<b>149.205.170</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	7.196.456.810	6.590.000.512
Chi phí nguyên vật liệu	117.868.036	150.788.919
Chi phí dụng cụ đồ dùng	48.322.446	44.019.354
Chi phí khấu hao tài sản (Hoàn nhập) chi phí bảo hành	152.197.676 (168.822.141)	14.826.228 -
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.030.842.539	4.818.457.926
Chi phí khác bằng tiền	647.301.926	686.544.518
<b>Cộng</b>	<b>10.024.167.292</b>	<b>12.304.637.457</b>

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.100.341.970	3.783.238.686
Chi phí vật liệu văn phòng	311.846.357	203.801.485
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	146.512.364	59.307.182
Chi phí khấu hao tài sản (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	579.179.935 -	639.075.797 (1.141.272.000)
Thuế và các khoản lệ phí	761.265.678	531.013.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.794.373.056	3.275.579.228
Chi phí khác bằng tiền	1.708.753.143	995.358.975
<b>Cộng</b>	<b>10.402.272.503</b>	<b>8.346.102.569</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.177.393.219	5.110.192.705
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	5.177.393.219	5.110.192.705
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	5.177.393.219	5.110.192.705
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	1.035.478.644	1.022.038.541
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	1.035.478.644	1.022.038.541
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	703.232.867	833.963.133
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.224.271.607)	(1.484.993.955)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	514.439.904	371.007.719



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>
Chi phí nhân công	11.296.798.780	10.373.239.198
Giá vốn hàng bán	52.229.165.127	32.829.425.993
Chi phí nguyên vật liệu	429.714.393	354.590.404
Chi phí dụng cụ đồ dùng	194.834.810	103.326.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	731.377.611	653.902.025
Thuế và các khoản lệ phí	761.265.678	531.013.216
(Hoàn nhập) chi phí bảo hành	(168.822.141)	-
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.141.272.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.905.603.426	22.233.941.149
Chi phí khác bằng tiền	2.356.055.069	1.681.903.493
<b>Cộng</b>	<b>109.735.992.753</b>	<b>67.620.070.014</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Tiền thu, chi khác cho hoạt động kinh doanh**

Đây là dòng tiền thuần giữa khoản phải thu khác (khoản đã chi hộ người giao ủy thác) và phải trả khác (khoản còn phải trả nhà cung cấp) có liên quan đến hoạt động ủy thác xuất, nhập khẩu và tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi. Dòng tiền thuần này được hình trình bày là chi khác, thu khác cho hoạt động kinh doanh nếu chênh lệch giữa phải thu khác và phải trả khác tương ứng cho dòng tiền ra hoặc dòng tiền vào.

**6.2 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 1.001.880.000 VND, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Công cụ tài chính**

**7.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ (i)	
	Tại ngày 30/6/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.800.152.942	24.038.147.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.024.285.411	66.125.605.803
Đầu tư ngắn hạn	2.387.145.922	-
<b>Cộng</b>	<b>89.211.584.275</b>	<b>90.163.753.534</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	10.681.988.128	11.103.106.936
Phải trả người bán và phải trả khác	42.560.895.482	40.507.849.276
Chi phí phải trả	1.640.264.708	390.658.000
<b>Cộng</b>	<b>54.883.148.318</b>	<b>52.001.614.212</b>

(i) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ. Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tại ngày 30/6/2017</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>USD</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	9.728,59	3.114,00
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	-	185.266,77
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>USD</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	USD	183.665,07	791.202,09
<b>(Nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(173.936,48)</b>	<b>(602.821,32)</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>EUR</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	899,65	1.413,38
Phải thu khách hàng và phải thu khác	EUR	-	450,00
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>EUR</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	EUR	734,72	196.981,74
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b>EUR</b>	<b>164,93</b>	<b>(195.118,36)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.1 Công cụ tài chính (Tiếp)****7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu các rủi ro về thay đổi tỷ giá đối với các loại ngoại tệ USD và EUR.

Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Tăng/(giảm) tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016
		VND	VND
USD	10%	(396.053.365)	(1.372.624.146)
EUR	10%	429.325	(507.907.335)
<b>Cộng</b>		<b>(395.624.040)</b>	<b>(1.880.531.481)</b>

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền có kỳ hạn và các nghĩa vụ phải trả dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017, Công ty không có rủi ro lãi suất trọng yếu do phần lớn các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty có lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.1 Công cụ tài chính (tiếp)****7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)****Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Tại ngày 30/6/2017			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	10.681.988.128	-	-	10.681.988.128
Phải trả người bán và phải trả khác	39.360.895.482	3.200.000.000	-	42.560.895.482
Chi phí phải trả	1.640.264.708	-	-	1.640.264.708
<b>Cộng</b>	<b>51.683.148.318</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>54.883.148.318</b>
	Tại ngày 01/01/2017			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	11.103.106.936	-	-	11.103.106.936
Phải trả người bán và phải trả khác	37.272.849.276	3.235.000.000	-	40.507.849.276
Chi phí phải trả	390.658.000	-	-	390.658.000
<b>Cộng</b>	<b>48.766.614.212</b>	<b>3.235.000.000</b>	<b>-</b>	<b>52.001.614.212</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và các công ty trực thuộc, có ảnh hưởng đáng kể hoặc có khả năng kiểm soát bởi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

Trong kỳ, Công ty có số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	70.322.514.913	47.529.810.135
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>17.503.227.956</i>	<i>17.434.257.190</i>
<i>Doanh thu ủy thác nhập khẩu</i>	<i>20.362.484.489</i>	<i>15.527.376.782</i>
<i>Doanh thu ủy thác vận chuyển</i>	<i>32.339.616.620</i>	<i>14.438.491.432</i>
<i>Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay</i>	<i>117.185.848</i>	<i>129.684.731</i>
Công ty TNHH KT Máy bay VAECO	6.972.594.429	2.375.595.796
<i>Doanh thu ủy thác nhập khẩu</i>	<i>6.972.594.429</i>	<i>2.375.595.796</i>
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	2.147.169.840	2.147.169.840
<i>Doanh thu cho thuê nhà</i>	<i>2.147.169.840</i>	<i>2.147.169.840</i>
<b>Cộng</b>	<b>79.442.279.182</b>	<b>52.052.575.771</b>

**Thu nhập của Ban Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Lương thưởng của HĐQT, Ban Giám đốc	1.278.794.999	1.119.298.083
Thưởng Ban quản lý, điều hành	144.252.863	106.624.299
Thù lao HĐQT, BKS	118.020.000	69.700.000
<b>Cộng</b>	<b>1.541.067.862</b>	<b>1.295.622.382</b>

**Giao dịch chia cổ tức**

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.14.1 "Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.5 "Phải thu ngắn hạn khác";
- Thuyết minh số 4.8 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.9 "Người mua trả tiền trước ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.12 "Phải trả khác".

**7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

**7.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.



**Nguyễn Quốc Trường**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 21 tháng 7 năm 2017

**Dương Quang Trung**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Ninh**  
Người lập